

Bản án số: 2640/2022/DS-ST

Ngày: 15/7/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nông Thành Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Tiên Dũng.
2. Bà Bùi Thị Phụng.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Vi Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:** ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 544/2020/TLST-DS, ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3228/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 3937/2022/QĐST-DS, ngày 16/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng SGTT.

Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông LNM, sinh năm 1970 (giấy ủy quyền số 125/2021/UQ-TTT ngày 01/3/2021); (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông MTN, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Tạm trú: 15/17 Đường Ụ Ghe, khu phố 2, phường Tam Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ theo Hợp đồng thứ 1: 126/1 Đặng Văn Bi, Phường Bình Thới, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ theo Hợp đồng thứ 2: 132 Đặng Văn Bi, Phường Bình Thới, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng SGTT trình bày:*

- Ngày 07/10/2011, ông MTN đã ký với Ngân hàng SGTT (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Parkson 464932 -1945 với hạn mức sử dụng là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Sau một thời gian sử dụng, đến ngày 26/0/2013 Ông Nhân có đăng ký thêm thẻ Family Local Credit 970403 -8816 với hạn mức sử dụng chung là 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Nhân đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 123.612.000 (Một trăm hai mươi ba triệu sáu trăm mười hai nghìn) đồng (trong đó: thẻ Visa Parkson 464932 - 1945 là 103.612.000 đồng và thẻ Family Local Credit 970403 – 8816 là 20.000.000 đồng).

- Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 125.783.395 đồng (trong đó thẻ Visa Parkson 464932 – 1945 là 120.806.319 đồng, thẻ Family Local Credit 970403 – 8816 là 4.977.076 đồng). Nhưng sau đó tiếp tục sử dụng thẻ tín dụng nhưng không thanh toán tiền cho Ngân hàng, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông N cụ thể là thẻ Visa Parkson 464932 – 1945 ngày 26/09/2014, thẻ Family Local Credit 970403 – 8816 ngày 02/10/2014 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

- Tính đến ngày 30/09/2019, ông N còn nợ tổng số tiền 87.174.858 đồng, cụ thể :

Loại thẻ	Số thẻ	Nợ gốc	Lãi quá hạn	Dư nợ	Lãi suất
Visa Parkson	464932 – 1945	5.512.383	10.850.506	26.362.889	3.225%
Famiy Local Credit	970403 – 8816	21.580.769	49.231.200	70.811.969	3.75%
Tổng cộng		27.093.152	60.081.706	87.174.858	

- Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông N, yêu cầu ông Nhân có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông Nhân trả nợ, tuy nhiên ông Nhân vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

- Tính đến ngày 30/09/2019, ông MTN phải trả ngay cho Ngân hàng số tiền còn thiếu của 02 thẻ tín dụng tạm tính là: 87.174.858 đồng (tám mươi bảy triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm năm tám đồng), trong đó:

Nợ gốc: 27.093.152 đồng

Lãi quá hạn: 60.081.706 đồng

- Ông Mai Thành Nhân có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ngân hàng xác định chỉ cho cá nhân ông N vay tiền và chỉ yêu cầu cá nhân ông N trả số nợ còn thiếu cho Ngân hàng, không yêu cầu ai khác.

Tại phiên tòa, ông LNM đại diện theo ủy quyền nguyên đơn - Ngân hàng SGTG có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng có bản khai trình bày:

Yêu cầu Tòa án buộc ông MTN trả một lần toàn bộ số tiền tính đến ngày 15/7/2022 đối với 02 thẻ tín dụng Visa Parkson số 464932-1945, ký ngày 07/10/2011 và thẻ tín dụng Family Local Credid số 970403-8816, ký ngày 26/6/2013 là: 120.701.996 đồng, trong đó:

- Thẻ Visa Parkson số 464932-1945, ký ngày 07/10/2011: Nợ gốc 5.512.383 đồng; Nợ lãi quá hạn: 16.889.100 đồng. Tổng cộng: 22.401.483 đồng.

- Thẻ tín dụng Family Local Credid số 970403-8816, ký ngày 26/6/2013: Nợ gốc: 21.580.769 đồng; Nợ lãi quá hạn: 76.719.744 đồng. Tổng cộng: 98.300.513 đồng.

Ông Nhân còn tiếp tục chịu tiền lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký.

Bị đơn: ông MTN đã được Tòa án triệu tập họp lệ 02 lần để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật dân sự, Tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử theo quy định

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên tòa Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện bị đơn – ông MTN tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có đăng ký thường trú tại thành phố Thủ Đức. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn - Ngân hàng SGTT có ông LNM là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn – ông MTN vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vẫn tiến hành mở phiên tòa xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Ngân hàng SGTT yêu cầu ông Mai Thành Nhân trả một lần toàn bộ số tiền tính đến ngày 15/7/2022 đối với 02 thẻ tín dụng Visa Parkson số 464932-1945, ký ngày 07/10/2011 và thẻ tín dụng Family Local Credid số 970403-8816, ký ngày 26/6/2013 là 120.701.996 đồng, trong đó:

- Thẻ Visa Parkson số 464932-1945, ký ngày 07/10/2011: Nợ gốc 5.512.383 đồng; Nợ lãi quá hạn: 16.889.100 đồng. Tổng cộng: 22.401.483 đồng.

- Thẻ tín dụng Family Local Credid số 970403-8816, ký ngày 26/6/2013: Nợ gốc: 21.580.769 đồng; Nợ lãi quá hạn: 76.719.744 đồng. Tổng cộng: 98.300.513 đồng.

Ông Nhân còn tiếp tục chịu tiền lãi cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký.

Hội đồng xét xử nhận định: Ngày 07/10/2011 và ngày 26/6/2013, ông MTN có ký với Ngân hàng SGTT 02 hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) hạn mức tín dụng được cấp lần lượt là 50.000.000 đồng và 25.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ ông N đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 125.783.395 đồng, nhưng sau đó tiếp tục sử dụng thẻ nhưng không thanh toán cho Ngân hàng theo quy định, qua nhiều lần tạo điều kiện cho ông N trả nợ nhưng ông N vẫn không thanh toán, nên ngân hàng đã chấm dứt việc sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ gốc của ông N sang lãi quá hạn từ ngày 02/10/2014.

Xét thấy các thỏa thuận đã được lập thành văn bản, được xác lập hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên là căn cứ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch; nhưng bị đơn ông MTN không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay như thỏa thuận trong hợp đồng, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, quyền lợi ích hợp pháp của bên cho vay. Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức trình bày là phù hợp quy định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ :

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Luật phí và lệ phí năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng SGTT.

- Buộc ông MTN phải trả cho Ngân hàng SGTT số tiền tạm tính đến ngày 15/7/2022 là: 120.701.996 (một trăm hai mươi triệu bảy trăm lẻ một nghìn chín trăm chín mươi sáu) đồng, trong đó nợ gốc là: 27.093.152 (hai mươi bảy triệu không trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi hai) đồng; Tiền lãi quá hạn là:

93.608.996 (chín mươi ba triệu sáu trăm lẻ tám nghìn chín trăm chín mươi sáu) đồng.

- Ông MTN phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/7/2022 theo mức lãi suất đã thỏa thuận của các Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là: 6.035.100 (sáu triệu không trăm ba mươi lăm nghìn một trăm) đồng, ông MTN phải chịu, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT không phải chịu án phí; trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng SGTT đã nộp là: 3.179.371 (ba triệu một trăm bảy mươi chín nghìn một trăm) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0056361, ngày 18/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng SGTT; ông MTN được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Viên kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức được quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- CC Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**Nông Thành Đức**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM****Các Hội thẩm nhân dân****Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa****Nông Thành Đức**